

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 08- 02- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên- Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: D5, phường Th, thành phố Th, tỉnh Bình Dương

2. Bị đơn: anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn Nh, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị L và anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Bùi Văn Đ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào năm 1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tính không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và đã ly

thân từ đó cho đến nay không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Đ.

Chị và anh Đ có 02 con chung là Bùi Thị Phương Th, sinh ngày 23/01/1999 và Bùi Xuân Th1, sinh ngày 05/6/2010. Con Th đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Th1 theo yêu cầu của anh Đ. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Bùi Văn Đ trong bản tự khai đã trình bày về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn đúng như chị L trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2020 thì anh bắt quả tang chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác qua tin nhắn và ảnh chụp trên điện thoại. Sau đó chị L đã bỏ đi vào miền Nam sinh sống cho đến nay không liên lạc với nhau. Chị L phải gặp anh để nói chuyện thì anh mới nhất trí cho chị L ly hôn, nếu chị L không về gặp anh thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh và chị L có 02 con chung như chị L đã trình bày. Con Bùi Thị Phương Th đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh xin trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Xuân Th1 và yêu cầu chị L góp cấp dưỡng nuôi con cho anh mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con Th1 đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị L Đ ly hôn anh Đ; về quan hệ con chung: cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Xuân Th1. Chị L có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con Th1 đủ 18 tuổi; về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn Đ xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp và đã ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Anh Đ có quan điểm gặp chị L để nói chuyện mới đồng ý ly hôn nhưng chị L cương quyết ly hôn. Anh Đ cũng không có giải pháp nào để gặp chị L và vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt Đ, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L Đ ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: con chung là Bùi Thị Phương Th, sinh ngày 23/01/1999 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị L nhất trí để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Xuân Th1 và chị có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con Th1 cho anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con Th1 đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: chị L và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị L Đ ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Xuân Th1, sinh ngày 05/6/2010. Chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian góp cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con Th1 đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai Đ cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005922 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã Tân Tiến,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng